

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa chương trình đào tạo chính quy
(Đợt 1 – Năm 2025)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-HVYDCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Căn cứ biên bản cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025, Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa chương trình đào tạo chính quy, đợt 1 năm 2025 cho 194 sinh viên (Có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Đào tạo đại học, Công tác chính trị và quản lý sinh viên, Tài chính kế toán; các phòng, ban liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTDH.

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: Y KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
1	195101A064	HOÀNG THỊ THU	12/11/2001	Nữ	Tỉnh Nghệ An	YK2019A	Kinh	3.42	8.26	89	Tốt	Giỏi
2	195101A053	VŨ THU	27/10/2001	Nữ	Tỉnh Lào Cai	YK2019A	Kinh	3.40	8.26	87	Tốt	Giỏi
3	195101B194	BÙI THỊ MINH	12/08/2001	Nữ	Thành phố Hải Phòng	YK2019B	Kinh	3.39	8.30	91	Xuất sắc	Giỏi
4	195101B209	TÔNG KIỀU TRANG	28/11/2000	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	YK2019B	Kinh	3.31	8.20	89	Tốt	Giỏi
5	195101A098	NGUYỄN THỊ NGÀ	26/09/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	3.26	8.17	86	Tốt	Giỏi
6	195101A031	NGUYỄN NGỌC ANH	11/11/2001	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	YK2019A	Kinh	3.26	8.06	89	Tốt	Giỏi
7	195101B156	HÀ THỊ YẾN	10/01/2000	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	YK2019B	Kinh	3.20	7.99	89	Tốt	Giỏi
8	195101A088	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	03/04/2001	Nam	Tỉnh Lạng Sơn	YK2019A	Kinh	3.18	8.00	82	Tốt	Khá
9	195101B196	HOÀNG ĐỨC HIẾU	07/02/2001	Nam	Tỉnh Thái Nguyên	YK2019B	Tày	3.17	8.03	90	Xuất sắc	Khá
10	195101A002	NGUYỄN THỊ LAN	19/01/2001	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	3.17	7.95	88	Tốt	Khá
11	195101A099	VŨ ĐỨC NGỌC	31/10/1999	Nam	Tỉnh Phú Thọ	YK2019A	Kinh	3.15	7.86	85	Tốt	Khá
12	195101B186	PHẠM VŨ QUỲNH	13/08/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	YK2019B	Kinh	3.15	7.84	89	Tốt	Khá
13	195101A001	NGÔ HẢI AN	30/03/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	3.08	7.87	87	Tốt	Khá
14	195101B180	PHẠM THỊ HƯƠNG NHÀI	03/08/2000	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	YK2019B	Kinh	3.07	7.81	88	Tốt	Khá
15	195101A083	DƯƠNG TUẤN ANH	14/09/2001	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	3.07	7.73	86	Tốt	Khá
16	195101B123	NGUYỄN THỊ LUYẾN	26/11/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019B	Kinh	3.06	7.81	89	Tốt	Khá
17	195101B120	PHẠM QUANG HUY	21/08/2001	Nam	Tỉnh Phú Thọ	YK2019B	Kinh	3.06	7.79	90	Xuất sắc	Khá
18	195101A052	BÙI VŨ QUỲNH	02/08/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	3.01	7.70	87	Tốt	Khá
19	195101B116	NGUYỄN THỊ THU HÀ	03/08/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019B	Kinh	3.00	7.73	90	Xuất sắc	Khá
20	195101B215	HOÀNG THỊ NHUNG	01/09/2001	Nữ	Thành phố Hải Phòng	YK2019B	Kinh	3.00	7.68	88	Tốt	Khá
21	195101A104	NGUYỄN CÔNG THÀNH	16/10/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	3.00	7.65	81	Tốt	Khá
22	195101A094	ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG	13/04/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.99	7.69	91	Xuất sắc	Khá
23	195101A054	NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN	07/03/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.99	7.66	89	Tốt	Khá
24	195101B203	LÊ TUẤN NAM	19/10/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.98	7.69	87	Tốt	Khá
25	195101A037	ĐỖ THỊ THU HIỀN	17/10/2001	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.97	7.60	88	Tốt	Khá
26	195101A084	PHAN THỊ VIỆT ANH	27/12/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.96	7.67	86	Tốt	Khá
27	195101A020	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	17/12/2001	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	YK2019A	Kinh	2.95	7.67	86	Tốt	Khá
28	195101A047	NGUYỄN THU PHƯƠNG	20/08/2001	Nữ	Thành phố Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.94	7.57	88	Tốt	Khá
29	195101B206	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	28/10/2001	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.94	7.56	87	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
30	195101B145	PHAN THỊ HẬU	01/03/2001	Nữ	Bắc Ninh	YK2019B	Kinh	2.93	7.56	89	Tốt	Khá
31	195101A033	TRẦN THỊ THU DUYỀN	10/09/2000	Nữ	Đắk Lắk	YK2019A	Kinh	2.92	7.58	88	Tốt	Khá
32	195101B154	NGUYỄN MINH NGUYỄN T	21/02/2001	Nữ	Phú Thọ	YK2019B	Kinh	2.92	7.55	90	Xuất sắc	Khá
33	195101B192	ĐÀO THỊ MỸ DUYỀN	13/09/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.91	7.57	87	Tốt	Khá
34	195101A036	VŨ HẰNG HẢI	18/07/2001	Nữ	Tuyên Quang	YK2019A	Kinh	2.91	7.51	88	Tốt	Khá
35	195101A011	LÊ HỮU HUY	04/05/1998	Nam	Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	2.91	7.50	86	Tốt	Khá
36	195101B207	TRỊNH THỊ THANH QUÝ	13/08/2001	Nữ	Thái Nguyên	YK2019E	Kinh	2.90	7.56	89	Tốt	Khá
37	195101B179	ĐẶNG THỊ HỒNG NGỌC	17/11/2000	Nữ	Sơn La	YK2019B	Kinh	2.90	7.55	88	Tốt	Khá
38	195101B183	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	28/02/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019B	Kinh	2.90	7.51	89	Tốt	Khá
39	195101B147	NGUYỄN NGỌC HUÂN	12/10/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.90	7.50	88	Tốt	Khá
40	195101A108	NGUYỄN THANH TRINH	14/09/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019A	Kinh	2.89	7.53	89	Tốt	Khá
41	195101B193	TRẦN HỮU ĐẠT	04/01/2001	Nam	Tuyên Quang	YK2019B	Kinh	2.89	7.49	85	Tốt	Khá
42	195101A107	NGUYỄN THỊ PHUONG	04/01/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019A	Kinh	2.87	7.43	86	Tốt	Khá
43	195101B202	TRƯỜNG NGỌC MAI	12/10/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.86	7.47	89	Tốt	Khá
44	195101B201	TRẦN KHÁNH LINH	17/04/2001	Nữ	Điện Biên	YK2019B	Kinh	2.86	7.39	88	Tốt	Khá
45	195101A026	CAO THỊ THU UYÊN	08/09/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019A	Kinh	2.85	7.55	85	Tốt	Khá
46	195101B144	NGUYỄN THU HÀ	23/09/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.85	7.44	88	Tốt	Khá
47	195101A012	BÙI ĐẮC VIỆT HƯNG	23/07/2000	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.85	7.40	88	Tốt	Khá
48	195101B159	LÊ PHUONG THẢO	21/08/2001	Nữ	Bắc Ninh	YK2019B	Kinh	2.84	7.43	88	Tốt	Khá
49	195101A022	VŨ THỊ THU THẢO	08/01/2000	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.84	7.31	88	Tốt	Khá
50	195101A045	LÊ MINH NGỌC	23/11/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.83	7.53	88	Tốt	Khá
51	195101A067	BÙI THỊ THU HƯƠNG	01/11/2001	Nữ	Quảng Trị	YK2019A	Kinh	2.82	7.41	87	Tốt	Khá
52	195101B181	LÊ THU PHUON G	14/04/2001	Nữ	Lào Cai	YK2019B	Kinh	2.82	7.34	90	Xuất sắc	Khá
53	195101B150	ĐOÀN THUY LINH	19/03/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.81	7.35	84	Tốt	Khá
54	195101A095	BÙI QUANG LINH	21/12/2001	Nam	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.81	7.30	90	Xuất sắc	Khá
55	195101A009	CAO THỊ THẢO HIỀN	01/08/2000	Nữ	Nghệ An	YK2019A	Kinh	2.80	7.36	87	Tốt	Khá
56	195101B166	LÊ THỊ CHI	08/02/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.80	7.32	90	Xuất sắc	Khá
57	195101B190	LÒ THỊ HOÀNG ANH	15/09/2000	Nữ	Sơn La	YK2019B	Thái	2.79	7.41	87	Tốt	Khá
58	195101A073	PHAN NGUYỄN HOÀNG NHI	24/02/2000	Nữ	Quảng Ngãi	YK2019A	Kinh	2.79	7.39	86	Tốt	Khá
59	195101B135	PHẠM THỊ NGỌC TRANG	12/07/2001	Nữ	Bắc Ninh	YK2019B	Kinh	2.79	7.37	90	Xuất sắc	Khá
60	195101B197	VŨ THU HOÀI	12/09/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.78	7.34	86	Tốt	Khá
61	195101A059	NGUYỄN HƯƠNG DỊU	23/08/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.78	7.33	87	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI NGHIỆP	
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC				
								Thang 4	Thang 10				
62	195101A102	VŨ THỊ LAN	PHUON G	12/11/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.78	7.33	84	Tốt	Khá
63	195101A092	PHẠM THỊ BÍCH	HỒNG	14/10/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.78	7.27	87	Tốt	Khá
64	195101A081	VŨ THỊ THANH	TRÀ	23/04/1998	Nữ	Quảng Trị	YK2019A	Kinh	2.77	7.35	89	Tốt	Khá
65	195101B185	HOÀNG CÔNG	THUẬN	17/01/2001	Nam	Điện Biên	YK2019B	Kinh	2.77	7.35	87	Tốt	Khá
66	195101B115	TRẦN BA	ĐỨC	04/05/2001	Nam	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.77	7.32	85	Tốt	Khá
67	195101B151	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	22/10/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.77	7.30	87	Tốt	Khá
68	195101A109	NGUYỄN TƯỜNG	VY	30/09/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.77	7.22	91	Xuất sắc	Khá
69	195101A024	VŨ THỊ	TRANG	28/08/2001	Nữ	Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	2.76	7.38	88	Tốt	Khá
70	195101A021	PHẠM VĂN	TÂM	21/05/1993	Nam	Bắc Ninh	YK2019A	Tây	2.76	7.36	90	Xuất sắc	Khá
71	195101B111	PHẠM HÀ	ANH	04/08/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.76	7.32	83	Tốt	Khá
72	195101A018	ĐÔNG THỊ	NHI	26/03/2001	Nữ	Lào Cai	YK2019A	Thái	2.76	7.31	88	Tốt	Khá
73	195101B119	NGUYỄN VĂN	HỘI	18/01/2000	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.76	7.31	89	Tốt	Khá
74	195101B200	PHẠM MAI	LAN	08/10/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019E	Kinh	2.76	7.30	87	Tốt	Khá
75	195101A016	TRẦN VĂN	NAM	02/06/2001	Nam	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.76	7.29	92	Xuất sắc	Khá
76	195101A080	CAO THỊ	TRANG	10/02/2001	Nữ	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.75	7.42	88	Tốt	Khá
77	195101A044	BÙI THỊ	NGA	20/05/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.75	7.39	88	Tốt	Khá
78	195101A106	TÀ THU	THÚY	02/08/2001	Nữ	Thanh Hóa	YK2019A	Mường	2.74	7.33	87	Tốt	Khá
79	195101A032	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	23/02/2001	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.74	7.22	84	Tốt	Khá
80	195101B142	MẠC DUY	DƯƠNG	15/10/2000	Nam	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.74	7.20	85	Tốt	Khá
81	195101B204	ĐỖ THỊ	NGỌC	01/01/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019B	Kinh	2.73	7.32	85	Tốt	Khá
82	195101B163	NGUYỄN THỊ BẢO	YÊN	26/04/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019B	Kinh	2.73	7.25	85	Tốt	Khá
83	195101A029	BÙI THỊ VĂN	ANH	02/10/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.72	7.30	86	Tốt	Khá
84	195101B168	NGUYỄN THẾ TIẾN	ĐẠT	30/07/2001	Nam	Thanh Hóa	YK2019B	Kinh	2.72	7.23	90	Xuất sắc	Khá
85	195101B143	TRƯỜNG PHÚC	ĐỨC	17/12/1998	Nam	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.72	7.20	82	Tốt	Khá
86	195101A065	NGUYỄN THỊ	HỒNG	08/02/2001	Nữ	Phú Thọ	YK2019A	Kinh	2.72	7.18	88	Tốt	Khá
87	195101B210	ĐÔNG VĂN	THUẬN	10/04/2001	Nam	Thanh Hóa	YK2019B	Kinh	2.72	7.14	86	Tốt	Khá
88	195101A015	VŨ THỊ NGỌC	MAI	30/08/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.71	7.32	88	Tốt	Khá
89	195101B138	HOÀNG NGỌC	ANH	26/02/2001	Nữ	Lào Cai	YK2019B	Nùng	2.71	7.32	84	Tốt	Khá
90	195101B169	VŨ TIẾN	ĐỨC	24/01/2001	Nam	Hà Nội	YK2019E	Kinh	2.71	7.26	70	Khá	Khá
91	195101B137	NGÔ HẢI	YÊN	12/04/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.71	7.23	85	Tốt	Khá
92	195101B189	NGUYỄN LÂM	ANH	09/11/2001	Nữ	Son La	YK2019B	Kinh	2.70	7.28	88	Tốt	Khá
93	195101B213	ĐỖ THỊ	UYÊN	16/08/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.70	7.28	85	Tốt	Khá
94	195101A091	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	31/12/2001	Nữ	Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	2.70	7.27	87	Tốt	Khá
95	195101B177	TRẦN THỊ	MAI	02/05/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.70	7.24	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
96	195101A005	TRẦN THỊ DUYỀN	20/05/2001	Nữ	Hà Tĩnh	YK2019A	Kinh	2.68	7.23	89	Tốt	Khá
97	195101B214	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	26/05/2000	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.68	7.19	84	Tốt	Khá
98	195101A089	ĐẶNG THU HÀ	06/02/2001	Nữ	Phú Thọ	YK2019A	Kinh	2.68	7.17	87	Tốt	Khá
99	195101B173	HOÀNG ĐỨC HUY	29/06/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.68	7.15	88	Tốt	Khá
100	195101B121	NGÔ THU HƯƠNG	08/03/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.68	7.13	90	Xuất sắc	Khá
101	195101A050	BÙI VĂN THẮNG	22/08/2001	Nam	Hải Phòng	YK2019A	Kinh	2.67	7.16	87	Tốt	Khá
102	195101B174	HOÀNG THU HUYỀN	20/04/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.67	7.15	88	Tốt	Khá
103	195101A017	HOÀNG MINH NGỌC	08/12/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019A	Kinh	2.67	7.12	82	Tốt	Khá
104	195101A070	TRẦN ĐỨC MẠNH	17/06/2001	Nam	Tuyên Quang	YK2019A	Kinh	2.66	7.19	85	Tốt	Khá
105	195101B132	VŨ ĐỨC THỒNG	21/01/2001	Nam	Bắc Ninh	YK2019B	Kinh	2.66	7.17	84	Tốt	Khá
106	195101B205	LÊ THỊ THANH NHÀN	17/04/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.66	7.06	84	Tốt	Khá
107	195101A071	LƯƠNG THỊ NGÀ	01/06/2001	Nữ	Thái Nguyên	YK2019A	Kinh	2.65	7.21	84	Tốt	Khá
108	195101B128	ĐINH MAI PHUON G	12/01/2001	Nữ	Cao Bằng	YK2019B	Tày	2.65	7.18	87	Tốt	Khá
109	195101B124	NGÔ NGỌC MINH	23/09/2001	Nam	Đà Nẵng	YK2019B	Kinh	2.65	7.12	73	Khá	Khá
110	195101B211	VŨ THỊ HUỲỀN TRANG	03/10/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.65	7.10	89	Tốt	Khá
111	195101A013	NGUYỄN NHẬT LỆ	26/04/2001	Nữ	Phú Thọ	YK2019A	Kinh	2.64	7.11	88	Tốt	Khá
112	195101B188	HUYỀN LÊ ANH TUẤN	03/04/2001	Nam	Đông Nai	YK2019B	Kinh	2.64	7.11	89	Tốt	Khá
113	195101B208	HUYỀN THANH TÂN	27/12/2001	Nam	Đà Nẵng	YK2019B	Kinh	2.63	7.19	89	Tốt	Khá
114	195101B195	NGUYỄN DOÃN HẢI	14/10/1994	Nam	Thanh Hóa	YK2019E	Kinh	2.62	7.16	89	Tốt	Khá
115	195101A003	LÊ NGỌC ÁNH	06/06/2001	Nữ	Phú Thọ	YK2019A	Kinh	2.61	7.09	86	Tốt	Khá
116	195101B187	NGUYỄN THỊ TRANG	06/01/2000	Nữ	Lạng Sơn	YK2019B	Nùng	2.61	7.09	88	Tốt	Khá
117	195101A027	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	28/02/1999	Nữ	Phú Thọ	YK2019A	Kinh	2.61	7.05	91	Xuất sắc	Khá
118	195101B152	NGUYỄN ANH MINH	25/07/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.61	7.05	87	Tốt	Khá
119	195101A028	TRẦN SÁCH VIỆT	16/07/2000	Nam	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.61	6.98	86	Tốt	Khá
120	195101B112	NGUYỄN BÌNH	30/10/2001	Nam	Gia Lai	YK2019B	Kinh	2.60	7.11	87	Tốt	Khá
121	195101A035	PHẠM THỊ GIANG	08/03/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019A	Kinh	2.60	7.08	87	Tốt	Khá
122	195101A079	NGUYỄN THỊ THUY	12/06/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.59	7.13	86	Tốt	Khá
123	195101B160	LÊ HOÀI THU	11/08/2001	Nữ	Thái Nguyên	YK2019B	Kinh	2.59	7.12	87	Tốt	Khá
124	195101B114	PHÙNG TIẾN DŨNG	07/02/2001	Nam	Phú Thọ	YK2019B	Kinh	2.59	7.09	83	Tốt	Khá
125	195101B125	PHÍ THỊ NGÀ	05/03/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.59	7.04	83	Tốt	Khá
126	195101B178	ĐỖ ĐÌNH NAM	12/08/2001	Nam	Thái Nguyên	YK2019B	Tày	2.59	6.98	82	Tốt	Khá
127	195101B176	LẠI TUẤN LINH	01/08/2000	Nam	Thanh Hóa	YK2019B	Kinh	2.58	7.00	83	Tốt	Khá
128	195101B165	TRẦN VĂN ANH	22/05/1996	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.57	7.12	88	Tốt	Khá
129	195101A034	HOÀNG MINH ĐỨC	27/02/2001	Nam	Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	2.57	7.09	93	Xuất sắc	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			
130	195101A069	HOÀNG HOÀI LINH	17/10/2000	Nữ	Tuyên Quang	YK2019A	Tày	2.57	7.07	87	Tốt	Khả
131	195101A072	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	10/08/2001	Nữ	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.57	7.06	88	Tốt	Khả
132	195101B122	ĐÌNH THUY LINH	24/01/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.56	7.02	86	Tốt	Khả
133	195101B164	NGÔ QUỲNH ANH	21/12/2001	Nữ	Thanh Hóa	YK2019B	Kinh	2.54	7.03	86	Tốt	Khả
134	195101A056	CAO THỊ PHƯƠNG ANH	30/06/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.54	6.99	88	Tốt	Khả
135	195101B172	TRẦN THỊ HOÀI	10/01/2001	Nữ	Hà Tĩnh	YK2019B	Kinh	2.54	6.95	84	Tốt	Khả
136	195101A096	NGÔ THỊ HỒNG LOAN	22/09/2001	Nữ	Hải Phòng	YK2019A	Kinh	2.53	7.00	86	Tốt	Khả
137	195101A093	NGUYỄN VƯƠNG HUY	19/11/2001	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.53	6.96	75	Khả	Khả
138	195101B139	TRẦN HAI ANH	18/12/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.52	7.06	81	Tốt	Khả
139	195101A057	PHAN NGỌC ANH	19/05/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.52	6.99	78	Khả	Khả
140	195101B126	HOÀNG DƯƠNG NGUYỄN TRUNG N	29/03/2001	Nam	Phủ Thọ	YK2019B	Kinh	2.52	6.99	84	Tốt	Khả
141	195101B118	NGUYỄN THU HIỀN	22/07/2001	Nữ	Thái Nguyên	YK2019B	Kinh	2.52	6.88	89	Tốt	Khả
142	195101A004	PHẠM THỊ XUÂN CHIỀU	11/06/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.51	6.91	88	Tốt	Khả
143	195101B136	ĐỖ QUỐC TRUNG	21/12/2001	Nam	Phủ Thọ	YK2019B	Kinh	2.51	6.91	86	Tốt	Khả
144	195101A030	NGUYỄN VĂN ANH	07/04/1999	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.51	6.82	87	Tốt	Khả
145	195101B167	TRẦN ĐĂNG QUỐC DUY	01/05/2001	Nam	Đắk Lắk	YK2019B	Kinh	2.51	6.79	87	Tốt	Khả
146	195101B153	ĐÀO LÊ BẢO NGỌC	20/11/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019B	Kinh	2.49	6.86	85	Tốt	Khả
147	195101A101	BÙI HÀ PHUON G	09/11/2000	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.48	6.95	89	Tốt	Khả
148	195101B130	NGUYỄN TUẤN SƠN	21/11/2000	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.48	6.87	81	Tốt	Khả
149	195101B198	HOÀNG QUỐC HUY	13/01/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.48	6.86	86	Tốt	Khả
150	195101A039	NGUYỄN SINH HUY	08/12/2001	Nam	Lâm Đồng	YK2019A	Kinh	2.47	6.92	85	Tốt	Khả
151	195101B141	NGÔ KHÁNH DUY	14/05/2001	Nam	Phủ Thọ	YK2019B	Kinh	2.47	6.88	84	Tốt	Khả
152	195101B157	PHAN HUY QUANG	14/10/2001	Nam	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.47	6.83	89	Tốt	Khả
153	195101A103	ĐÀO QUỲ SƠN	09/04/2001	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.47	6.80	80	Tốt	Khả
154	195101B134	NGUYỄN THUY TRANG	30/09/2001	Nữ	Ninh Bìn.	YK2019B	Kinh	2.46	6.92	84	Tốt	Khả
155	195101A097	TRẦN TUẤN MẠNH	15/09/2001	Nam	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.46	6.91	83	Tốt	Khả
156	195101A008	NGUYỄN TIẾN HAI	13/03/1999	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.45	6.88	84	Tốt	Khả
157	195101B182	TRẦN ĐỨC QUÂN	21/11/2001	Nam	Quảng Ninh	YK2019B	Kinh	2.45	6.75	87	Tốt	Khả
158	195101A068	LƯƠNG THỊ LIÊN	11/12/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.44	6.86	86	Tốt	Khả
159	195101A041	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	08/01/2001	Nữ	Hưng Yên	YK2019A	Kinh	2.44	6.82	81	Tốt	Khả
160	195101A042	VŨ THỊ LINH	06/11/2000	Nữ	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.44	6.78	88	Tốt	Khả
161	195101A048	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	26/03/2000	Nữ	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.44	6.77	88	Tốt	Khả
162	195101A085	KPÁ BAY	22/03/1999	Nam	Già Lai	YK2019A	Già rai	2.44	6.73	81	Tốt	Khả

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC				
													Thang 4
163	195101B129	PHẠM THỊ KIM	PHƯỚC	02/02/2001	Nữ	Quảng Ngãi	YK2019B	Kinh	2.43	6.76	85	Tốt	Trung bình
164	195101A090	ĐINH VĂN	HÀ	07/03/2000	Nam	Lào Cai	YK2019A	Mường	2.41	6.74	83	Tốt	Trung bình
165	195101A077	VŨ TAM	THAI	10/01/2001	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.40	6.79	88	Tốt	Trung bình
166	195101A019	NGUYỄN THỊ G	PHUON	05/01/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.39	6.84	87	Tốt	Trung bình
167	195101B131	PHAN TÁT	THÀNH	03/10/1997	Nam	Son La	YK2019B	Kinh	2.39	6.78	83	Tốt	Trung bình
168	195101A076	PHẠM NHƯ	QUỲNH	26/06/2000	Nữ	Thái Nguyên	YK2019A	Kinh	2.39	6.77	89	Tốt	Trung bình
169	195101A105	HOÀNG THỊ	THỊN	02/07/2000	Nữ	Cao Bằng	YK2019A	Tày	2.39	6.67	83	Tốt	Trung bình
170	195101A075	PHAN THỊ G	PHUON	31/12/2001	Nữ	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.38	6.75	76	Khá	Trung bình
171	195101B113	NGUYỄN ĐẠI	DOANH	12/05/1987	Nam	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.36	6.79	82	Tốt	Trung bình
172	195101A074	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	27/02/2001	Nam	Bắc Ninh	YK2019A	Kinh	2.36	6.75	88	Tốt	Trung bình
173	195101B161	DƯ THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/07/2000	Nữ	Phủ Thọ	YK2019B	Sán Dìu	2.35	6.68	83	Tốt	Trung bình
174	195101A046	NGUYỄN DƯƠNG YẾN	NHI	26/04/2001	Nữ	Lâm Đồng	YK2019A	Kinh	2.33	6.80	88	Tốt	Trung bình
175	195101A043	PHẠM ĐỨC	MẠNH	25/11/2001	Nam	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.33	6.69	90	Xuất sắc	Trung bình
176	195101B170	ĐỖ NGỌC	HÀI	26/09/2001	Nam	Phủ Thọ	YK2019B	Kinh	2.32	6.73	86	Tốt	Trung bình
177	195101A038	TRỊNH KHÁNH	HOÀNG	18/09/2001	Nam	Thanh Hóa	YK2019A	Kinh	2.32	6.65	86	Tốt	Trung bình
178	185101F069	TRẦN NGỌC	KHÁNH	02/09/2000	Nữ	Lạng Sơn	YK2019B	Ê đê	2.31	6.69	86	Tốt	Trung bình
179	195101A100	LÀ THỊ HỒNG	NHUNG	28/03/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.31	6.61	85	Tốt	Trung bình
180	195101A062	BẾ HÀI	HÀ	15/09/2001	Nữ	Tuyên Quang	YK2019A	Tày	2.28	6.65	84	Tốt	Trung bình
181	195101B117	HỒ A	HÀNG	20/03/1999	Nam	Lào Cai	YK2019B	Mông	2.27	6.58	84	Tốt	Trung bình
182	195101A066	NGUYỄN QUANG	HUY	13/02/2001	Nam	Hà Nội	YK2019A	Kinh	2.26	6.57	81	Tốt	Trung bình
183	195101B175	DƯƠNG TUẤN	KIỆT	05/08/2001	Nam	Phủ Thọ	YK2019B	Kinh	2.22	6.52	85	Tốt	Trung bình
184	195101A006	PHẠM HỒNG	ĐĂNG	26/07/2001	Nam	Thanh Hóa	YK2019A	Mường	2.22	6.45	82	Tốt	Trung bình
185	195101B191	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	27/11/2001	Nữ	Nghệ An	YK2019B	Kinh	2.19	6.44	87	Tốt	Trung bình
186	195101A086	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	24/07/2000	Nữ	Tuyên Quang	YK2019A	Tày	2.16	6.35	84	Tốt	Trung bình
187	195101B171	BÙI MINH	HIẾU	08/07/2000	Nam	Hải Phòng	YK2019B	Kinh	2.13	6.38	85	Tốt	Trung bình
188	195101B110	ĐỖ THỊ QUỲNH	ANH	17/01/2000	Nữ	Hà Nội	YK2019B	Kinh	2.13	6.33	87	Tốt	Trung bình
189	195101A058	HỒ GIA	BẢO	28/12/2001	Nam	Đồng Nai	YK2019A	Kinh	2.11	6.39	84	Tốt	Trung bình
190	195101A007	NGUYỄN THUY	GIANG	21/09/2001	Nữ	Ninh Bình	YK2019A	Kinh	2.09	6.34	84	Tốt	Trung bình
191	195101B127	H LƯN ĐA	NIỄ	04/08/2000	Nữ	Đắk Lắk	YK2019B	Ê đê	2.08	6.35	86	Tốt	Trung bình
192	195101A025	CAO THANH	TÚ	06/05/2000	Nam	Thanh Hóa	YK2019A	Mường	2.07	6.34	87	Tốt	Trung bình
193	195101A061	HOÀNG VIỆT	ĐỨC	04/06/2000	Nam	Phủ Thọ	YK2019A	Kinh	2.04	6.35	88	Tốt	Trung bình
194	195101A082	TRẦN LONG	VŨ	15/11/2001	Nam	Moskva - LB Nga	YK2019A	Kinh	2.00	6.29	88	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC	ĐIỂM TBC			
								Thang 4	Thang 10			

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PGS.TS: Nguyễn Quốc Huy

